

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/DSST

Ngày 07/10/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Xuân và ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh– Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2019/DSST ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam**; Địa chỉ: số 169 phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Ngọc A**, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh thị xã C, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: 03 Nguyễn H, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho ông **Nguyễn Tấn B**, Phó giám đốc. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Trương Thị Hồng G**, sinh năm 1984; Trú tại: Khu phố Long B Nam, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần 2.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1984; Trú tại: Khu phố Long B Nam, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn B trình bày:

Theo hợp K tín dụng (món vay) số 6600000702904620 ngày

18/11/2014 hộ vợ chồng bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vay gốc 20.000.000 đồng, thời hạn cho vay 36 tháng, kể từ ngày ký nhận nợ ngày 18/11/2014, phân kỳ trả nợ 12 tháng một lần, số tiền gốc mỗi kỳ 6.670.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, không thế chấp tài sản đảm bảo. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/11/2017. Ngân hàng cho vợ chồng bà Trương Thị Hồng G vay theo chương trình hộ cận nghèo với mục đích cho vay: nuôi bò. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân theo hợp đồng vay tài sản đã ký kết cho vợ chồng bà Trương Thị Hồng G. Nhưng mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với vợ chồng bà G, yêu cầu vợ chồng bà G có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng, và Ngân hàng đã gia hạn nợ nhiều lần để tạo điều kiện cho hai vợ chồng nhưng vợ chồng bà G không thanh toán tiền cho Ngân hàng. Đến ngày 18/11/2018 khoản vay trên đã chuyển qua nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K phải trả một lần toàn bộ số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 07/10/2019 là 104.627 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị Hồng G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K vắng mặt không có lời trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K phải thanh toán hết số tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị Hồng G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K, cùng có hộ khẩu thường trú tại khu phố Long B Nam, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Nhưng hiện tại bà G, ông K không có mặt tại địa phương. Bà G, ông K được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội K thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà G, ông K.

[2] Về Thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K

có hộ khẩu thường trú tại khu phố Long B Nam, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên phải trả số tiền còn nợ từ hợp K vay tài sản. Nguyên, bị đơn đều cư trú tại thị xã C, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “*Tranh chấp về hợp K vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội K xét xử thấy:

Hợp K vay tài sản tại món vay số: 6600000702904620 ngày 18/11/2014 được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Trên cơ sở về việc thoả thuận vay vốn giữa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và bà Trương Thị Hồng G đã ký kết Hợp đồng vay tài sản theo mã món vay số: 6600000702904620 ngày 18/11/2014, số tiền vay: 20.000.000 đồng (đã giải ngân 20.000.000 đồng; thời hạn cho vay 36 tháng, kể từ ngày ký nhận nợ ngày 18/11/2014, phân kỳ trả nợ 12 tháng một lần, số tiền gốc mỗi kỳ 6.670.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, không thế chấp tài sản đảm bảo. Ngân hàng cho vợ chồng bà Trương Thị Hồng G vay theo chương trình hộ cận nghèo với mục đích cho vay: nuôi bò. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trương Thị Hồng G theo hợp đồng đã ký kết. Nhưng bà G đã không thực hiện đúng các cam kết đã thoả thuận trong hợp đồng đã ký kết, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc các bên ký kết hợp đồng vay tài sản là thực tế; việc bị đơn không trả nợ đầy đủ cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm cam kết trả nợ tại hợp đồng vay tài sản và quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Mặc khác, bị đơn bà Trương Thị Hồng G cố tình giấu địa chỉ và không có mặt khi Tòa án triệu tập làm việc về yêu cầu của nguyên đơn để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho nguyên đơn. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn pB trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay gốc 20.000.000 đồng, số tiền lãi suất bao gồm lãi trong hạn và lãi phạt tính đến ngày 07/10/2019 là: 104.627 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là: 20.104.627 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn K có biết việc vay tiền của bà G và làm văn bản ủy quyền cho bà G trong việc ký kết hợp đồng vay tài sản với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam theo chương trình vay hộ

cận nghèo. Vì vậy cần buộc ông K chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C: Căn cứ 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K phải chịu: 1.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Buộc vợ chồng bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K phải thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng vay số: 6600000702904620 ngày 18/11/2014 số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 07/10/2019 là 104.627 K; tổng cộng 20.104.627 đồng (*Hai mươi triệu một trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng*).

Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K phải chịu số tiền 1.005.000 đồng (*Một triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng bà Trương Thị Hồng G và ông Lê Văn K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản số 6600000702904620 ngày 18/11/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Lãi suất mà vợ chồng bà G và ông K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Ấn văn (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị An Nhiên